

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN CỦA ỦY BAN (EU) 2021/1165**của 15 Tháng Bảy 2021****Cho phép một số sản phẩm và chất nhất định sử dụng trong sản xuất hữu cơ và thiết lập danh sách của chúng****(Văn bản có liên quan đến EEA)**

ỦY BAN CHÂU ÂU,

Liên quan đến Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu,

Liên quan đến Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ⁽¹⁾, và đặc biệt là Điều 24 (9) và điểm (a) của Điều 39 (2),

Trong khi đó:

- (1) Theo Điều 9 (3) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm và chất được ủy quyền theo Điều 24 của Quy định đó mới có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ với điều kiện việc sử dụng chúng trong sản xuất phi hữu cơ cũng đã được cho phép theo các quy định có liên quan của luật Liên minh. Ủy ban đã đánh giá việc sử dụng một số sản phẩm và chất trong sản xuất hữu cơ trên cơ sở các mục tiêu và nguyên tắc được quy định trong Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ⁽²⁾. Do đó, các sản phẩm và chất được lựa chọn đã được ủy quyền theo các điều kiện cụ thể theo Quy định của Ủy ban (EC) số 889/2008 ⁽³⁾ và được liệt kê trong một số Phụ lục nhất định của Quy định đó. Các mục tiêu và nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) 2018/848 tương tự như trong Quy định (EC) số 834/2007. Vì cần đảm bảo tính liên tục của sản xuất hữu cơ, những sản phẩm và chất đó nên được đưa vào danh sách hạn chế được thiết lập trên cơ sở Quy định (EU) 2018/848.
- (2) Ngoài ra, theo Điều 24 (7) của Quy định (EU) 2018/848, các Quốc gia Thành viên đã nộp hồ sơ về một số sản phẩm và chất nhất định cho Ủy ban và các Quốc gia Thành viên khác, theo quan điểm cho phép và đưa họ vào danh sách được thiết lập theo Quy định đó.
- (3) Trong một số trường hợp và điều kiện nhất định, đặc biệt là tại điểm 1.10.2. của Phần I của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số sản phẩm và chất được ủy quyền có thể được sử dụng để bảo vệ thực vật. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các hoạt chất được sử dụng trong các sản phẩm bảo vệ thực vật như được đề cập tại điểm (a) của Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách các hoạt chất đó.
- (4) Trong một số trường hợp và điều kiện nhất định, cụ thể là tại điểm 1.9.3 của Phần I, các điểm 1.9.1.2(b), 1.9.2.2(d), 1.9.3.2(b) và 1.9.5.2(a) của Phần II và các điểm 2.2.2(c) và 2.3.2 và thụt lề thứ hai của đoạn thứ tư của điểm 3.1.5.3 của Phần III của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số loại phân bón, Chất điều hòa đất và chất dinh dưỡng có thể được sử dụng cho dinh dưỡng thực vật, cải thiện và làm giàu rác, nuôi tảo hoặc môi trường chăn nuôi của động vật nuôi trồng thủy sản. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép phân bón, chất điều hòa đất và chất dinh dưỡng như được đề cập

trong điểm (b) của Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách của chúng.

- (5) Trong một số trường hợp và điều kiện nhất định, đặc biệt, tại các điểm 1.4.1(i) và 1.5.2.3 của Phần II, điểm 3.1.3.1(d) của Phần III và điểm 2.3 của Phần V của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men, nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất, phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến có thể được sử dụng cho dinh dưỡng động vật. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men, nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất và phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến như được đề cập trong các điểm (c) và (d) của Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách của chúng.
- (6) Ngoài ra, một số nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ được cấp phép trực tiếp theo Quy định (EU) 2018/848. Để rõ ràng, các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đó cũng phải được liệt kê cùng với các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được cho phép theo Quy định này, có tham chiếu đến các quy định cụ thể của Quy định (EU) 2018/848.
- (7) Trong một số trường hợp và điều kiện nhất định, cụ thể là tại các điểm 1.11 của Phần I, các điểm 1.5.1.6, 1.5.1.7 và 1.9.4.4(c) của Phần II, điểm 3.1.4.1(f) của Phần III, điểm 2.2.3 của Phần IV, điểm 2.4 của Phần V và điểm 1.4 của Phần VII của Phụ lục II và các điểm 4.2 và 7.5 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848, Chỉ một số sản phẩm và chất nhất định có thể được sử dụng để làm sạch và khử trùng. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các sản phẩm làm sạch và khử trùng như được đề cập trong các điểm (e), (f) và (g) của Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách của chúng.
- (8) Một số sản phẩm để làm sạch và khử trùng các tòa nhà và lắp đặt cho gia súc, động vật nuôi trồng thủy sản và sản xuất rong biển đã được đánh giá và liệt kê trong Phụ lục VII của Quy định (EC) số 889/2008. Tuy nhiên, các sản phẩm để làm sạch và khử trùng các tòa nhà và lắp đặt được sử dụng cho sản xuất của nhà máy và các cơ sở chế biến và lưu trữ cho đến nay chỉ được đánh giá và cho phép bởi các quốc gia thành viên. Trước khi cấp phép cho các sản phẩm đó trong sản xuất hữu cơ, một đánh giá phải được thực hiện ở cấp Liên minh bởi Ủy ban được hỗ trợ bởi Nhóm chuyên gia về tư vấn kỹ thuật về sản xuất hữu cơ. Đánh giá đó nên bao gồm việc sửa đổi tất cả các sản phẩm và chất được ủy quyền hiện có để làm sạch và khử trùng.
- (9) Để đảm bảo tính liên tục của sản xuất hữu cơ, các sản phẩm được liệt kê trong Phụ lục VII của Quy định (EC) số 889/2008 và các sản phẩm được ủy quyền ở cấp Quốc gia Thành viên phải tiếp tục được phép cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 để cho phép thiết lập danh mục các sản phẩm để làm sạch và khử trùng theo các quy định tại điểm (e), (f) và (g) Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848. Tuy nhiên, những sản phẩm đó phải tuân thủ các yêu cầu liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 648/2004 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽⁴⁾ và Quy định (EU) số 528/2012 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽⁵⁾ và với các tiêu chí hữu cơ được quy định trong Chương II và các điểm (a) và (b) của Điều 24 (3) của Quy định (EU) 2018/848.
- (10) Trong một số trường hợp và điều kiện nhất định, đặc biệt, trong các điểm 2.2.1 và 2.2.2 (a) của Phần IV của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số phụ gia thực phẩm, bao gồm enzyme thực phẩm được sử dụng làm phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến có thể được sử dụng trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến. Vì mục

đích đó, Ủy ban nên cho phép phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến như được đề cập tại điểm (a) của Điều 24 (2) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách của chúng.

- (11) Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm được sử dụng trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến được liệt kê tương ứng trong phần A, B và C của Phụ lục VIII của Quy định (EC) số 889/2008. Tuy nhiên, theo cách sử dụng và chức năng của chúng trong sản phẩm cuối cùng, một số sản phẩm trong số đó có thể được phân loại là phụ gia chứ không phải là chất hỗ trợ chế biến. Phân loại này cần phân tích cụ thể và toàn diện các sản phẩm đó trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến. Phân tích như vậy nên được tiến hành trên tất cả các sản phẩm được liệt kê là chất hỗ trợ chế biến trong Quy định (EC) số 889/2008. Quá trình đó sẽ mất thời gian và không thể hoàn thành trước ngày áp dụng Quy định (EU) 2018/848. Do đó, các sản phẩm hiện đang được liệt kê là chất hỗ trợ chế biến trong Quy định (EC) số 889/2008 sẽ được liệt kê là chất hỗ trợ chế biến trong Quy định này cho đến khi phân tích cụ thể và toàn diện được thực hiện.
- (12) Trong một số trường hợp và điều kiện nhất định được quy định, đặc biệt, tại điểm 2.2.1 của Phần IV của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số thành phần nông nghiệp phi hữu cơ có thể được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ như được đề cập tại điểm (b) của Điều 24 (2) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách của chúng. Hồ sơ về các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến đã được các quốc gia thành viên đệ trình theo Điều 24 (7) của Quy định (EU) 2018/848 đã được đánh giá trong Ủy ban Sản xuất hữu cơ. Các sản phẩm và chất được lựa chọn tuân thủ các mục tiêu và nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) 2018/848 phải được đưa vào danh sách hạn chế được thiết lập bởi Quy định này, khi cần thiết trong các điều kiện cụ thể.
- (13) Tuy nhiên, để dành đủ thời gian cho các nhà khai thác thích ứng với danh mục hạn chế mới về các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ được ủy quyền và đặc biệt là tìm nguồn nguyên liệu nông nghiệp đã được sản xuất theo Quy định (EU) 2018/848, danh mục các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ được phép sử dụng trong chế biến thực phẩm hữu cơ theo Quy định này áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.
- (14) Với thành phần của một số thành phần nông nghiệp phi hữu cơ, một số công dụng của chúng trong thực phẩm hữu cơ chế biến có thể tương ứng với việc sử dụng làm phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm hoặc các sản phẩm và chất được đề cập tại điểm 2.2.2 của Phần IV của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848. Những việc sử dụng đó yêu cầu phải có sự cho phép cụ thể theo điểm 2.2 của Phần IV của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 và việc sử dụng đó không được phép thông qua việc cho phép các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ.
- (15) Trong một số trường hợp và điều kiện nhất định, đặc biệt là tại điểm 1.3 (a) của Phần VII của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, một số chất hỗ trợ chế biến nhất định có thể được sử dụng để sản xuất men và các sản phẩm men. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các chất hỗ trợ chế biến để sản xuất men và các sản phẩm men như được đề cập trong điểm (c) của Điều 24 (2) của Quy định (EU) 2018/848 và thiết lập danh sách của chúng.
- (16) Theo điểm 2.2 của Phần VI của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm và chất được ủy quyền theo Điều 24 của Quy định đó để sử dụng trong sản xuất hữu cơ mới có thể được sử dụng để sản xuất các sản phẩm của ngành rượu vang như

được đề cập đến điểm (l) của Điều 1 (2) của Quy định (EU) số 1308/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽⁶⁾. Vì mục đích đó, Ủy ban nên cho phép các sản phẩm và chất đó và thiết lập danh sách của chúng.

(17) Điều 45 (2) của Quy định (EU) 2018/848 trao quyền cho Ủy ban cấp phép cụ thể cho việc sử dụng các sản phẩm và chất ở các nước thứ ba và ở các khu vực ngoài cùng của Liên minh. Làm thế nào để bắt đầu thủ tục mà các Quốc gia Thành viên tuân theo đối với các khu vực ngoài cùng của Liên minh được quy định tại Điều 24 (7) của Quy chế đó. Tuy nhiên, thủ tục phải tuân theo đối với các ủy quyền như vậy đối với các nước thứ ba không được nêu chi tiết trong Quy định (EU) 2018/848. Do đó, việc thiết lập quy trình đó trong Quy định này là phù hợp, phù hợp với quy trình cần tuân thủ để cho phép các sản phẩm và chất được sử dụng trong sản xuất hữu cơ tại Liên minh, như được nêu tại Điều 24 của Quy định (EU) 2018/848. Vì những giấy phép đó có thể được cấp trong thời gian gia hạn là 2 năm, để tránh nhầm lẫn với các sản phẩm và chất được ủy quyền mà không giới hạn thời gian, nên liệt kê các sản phẩm và chất có liên quan trong Phụ lục chuyên dụng.

(18) Vì lợi ích của sự rõ ràng và chắc chắn về mặt pháp lý, Quy định (EC) số 889/2008 nên được bãi bỏ. Tuy nhiên, do danh mục các sản phẩm cần làm sạch và khử trùng sẽ không được thiết lập trước ngày 1 tháng 1 năm 2024, Phụ lục VII của Quy định (EC) số 889/2008 nên tiếp tục áp dụng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong bối cảnh đó, cần quy định rằng các sản phẩm được liệt kê trong Phụ lục đó không được phép theo Quy định (EU) số 528/2012, không thể được sử dụng làm sản phẩm diệt khuẩn. Ngoài ra, danh mục nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến theo Quy định này sẽ chỉ áp dụng từ ngày 1/1/2024. Do đó, cần quy định rằng thực phẩm hữu cơ chế biến đã được sản xuất trước ngày 1 tháng 1 năm 2024 với các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ được liệt kê trong Phụ lục IX của Quy định (EC) số 889/2008 có thể được đưa ra thị trường sau ngày đó cho đến khi hết hàng.

(19) Giấy chứng nhận được cấp cho các nhà khai thác bởi các cơ quan có thẩm quyền, hoặc, khi thích hợp, các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát theo Điều 35 (1) của Quy định (EU) 2018/848 có thể được cấp từ ngày 1 tháng 1 năm 2022. Tuy nhiên, nó sẽ không được cung cấp cho tất cả các nhà khai thác có liên quan vào ngày đó. Để đảm bảo tính liên tục của sản xuất hữu cơ và bằng cách vi phạm Điều 35 (2) của Quy định (EU) 2018/848, bằng chứng tài liệu do cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cấp cho người vận hành theo Điều 68 của Quy định (EC) số 889/2008 trước ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ vẫn có hiệu lực cho đến khi kết thúc thời hạn hiệu lực. Tuy nhiên, theo Điều 38 (3) của Quy định (EU) 2018/848, các nhà khai thác phải được xác minh tuân thủ ít nhất mỗi năm một lần và theo Điều 38 (5) của Quy định đó, việc giao chứng chỉ phải dựa trên kết quả xác minh đó, hiệu lực không được vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(20) Vì lợi ích của sự rõ ràng và chắc chắn về mặt pháp lý, Quy định này nên được áp dụng kể từ ngày áp dụng Quy định (EU) 2018/848. Tuy nhiên, vì những lý do nêu tại Điều 18 của Quy định này, các quy định đề cập đến danh mục sản phẩm để làm sạch và khử trùng và danh mục các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến nên được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.

(21) Các biện pháp quy định trong Quy định này phù hợp với ý kiến của Ủy ban sản xuất hữu cơ,

ĐÃ THÔNG QUA QUY ĐỊNH NÀY:

Điều 1

Hoạt chất trong thuốc bảo vệ thực vật

Theo mục đích của điểm (a) Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các hoạt chất được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định này mới được chứa trong các sản phẩm bảo vệ thực vật được sử dụng trong sản xuất hữu cơ như được nêu trong Phụ lục đó, với điều kiện là các sản phẩm bảo vệ thực vật đó:

- (a) đã được ủy quyền theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ⁽⁷⁾;
- (b) được sử dụng phù hợp với các điều kiện sử dụng như được quy định trong giấy phép của các sản phẩm có chứa chúng, do các Quốc gia Thành viên cấp; và
- (c) được sử dụng tuân thủ các điều kiện được nêu trong Phụ lục của Quy định thực hiện ủy ban (EU) số 540/2011 ⁽⁸⁾.

Điều 2

Phân bón, điều hòa đất và chất dinh dưỡng

Theo mục đích của điểm (b) Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm và chất được liệt kê trong Phụ lục II của Quy định này mới có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ làm phân bón, chất điều hòa đất và chất dinh dưỡng cho dinh dưỡng cây trồng, cải tạo và làm giàu rác hoặc nuôi tảo hoặc môi trường chăn nuôi của động vật nuôi trồng thủy sản, miễn là chúng tuân thủ các quy định có liên quan của luật Liên minh, đặc biệt với Quy định (EC) số 2003/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽⁹⁾, các Điều khoản Quy định (EU) 2019/1009 có liên quan của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽¹⁰⁾, Quy định (EC) số 1069/2009 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽¹¹⁾ và Quy định của Ủy ban (EU) số 142/2011 ⁽¹²⁾ và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

Điều 3

Nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men hoặc nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất

Theo mục đích của điểm (c) Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm và chất được liệt kê trong Phần A của Phụ lục III của Quy định này mới có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ làm nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men hoặc làm nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng sản, miễn là việc sử dụng chúng phù hợp với các quy định liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 767/2009 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ⁽¹³⁾ và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

Điều 4

Phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến

Theo mục đích của điểm (d) Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm và chất được liệt kê trong Phần B của Phụ lục III của Quy định này mới có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ làm phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến được sử dụng trong dinh dưỡng động vật, miễn là việc sử dụng chúng phù hợp với các quy định có liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện và

Hội đồng châu Âu ⁽¹⁴⁾ và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

Điều 5

Sản phẩm để làm sạch và khử trùng

1. Vì mục đích của điểm (e) Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm được liệt kê trong Phần A của Phụ lục IV của Quy định này mới được sử dụng để làm sạch và khử trùng ao, lồng, bể, mương, tòa nhà hoặc công trình được sử dụng để chăn nuôi, miễn là các sản phẩm đó tuân thủ các quy định của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 648/2004 và Quy định (EU) số 528/2012 và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

2. Theo mục đích của điểm (f) Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm được liệt kê trong Phần B của Phụ lục IV của Quy định này mới có thể được sử dụng để làm sạch và khử trùng các tòa nhà và công trình được sử dụng cho sản xuất của nhà máy, bao gồm cả để lưu trữ trên một tổ chức nông nghiệp, miễn là các sản phẩm đó tuân thủ các quy định của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 648/2004 và Quy định (EU) số 528/2012 và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

3. Theo mục đích của điểm (g) Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm được liệt kê trong Phần C của Phụ lục IV của Quy định này mới có thể được sử dụng để làm sạch và khử trùng trong các cơ sở chế biến và bảo quản, miễn là các sản phẩm đó tuân thủ các quy định của luật Liên minh, cụ thể là Quy định (EC) số 648/2004 và Quy định (EU) số 528/2012 và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

4. Trong khi chờ đưa vào Phần A, B hoặc C của Phụ lục IV của Quy định này, các sản phẩm làm sạch và khử trùng nêu tại các điểm (e), (f) và (g) Điều 24(1) của Quy định (EU) 2018/848 đã được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Quy định (EC) số 834/2007 hoặc theo luật quốc gia trước ngày áp dụng Quy định (EU) 2018/848 có thể tiếp tục được sử dụng nếu chúng tuân thủ các quy định có liên quan các quy định của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 648/2004 và Quy định (EU) số 528/2012 và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

Điều 6

Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến

Theo mục đích của điểm (a) Điều 24 (2) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm và chất được liệt kê trong Phần A của Phụ lục V của Quy định này mới có thể được sử dụng làm phụ gia thực phẩm, bao gồm enzyme thực phẩm được sử dụng làm phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến, với điều kiện việc sử dụng chúng phù hợp với các quy định có liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ⁽¹⁵⁾ và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

Điều 7

Nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến

Theo mục đích của điểm (b) Điều 24 (2) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ được liệt kê trong Phần B của Phụ lục V của Quy định này mới có thể được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến, miễn là việc sử dụng chúng phù hợp với các quy định liên quan của luật Liên minh và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

Đoạn đầu tiên không ảnh hưởng đến các yêu cầu chi tiết đối với sản xuất hữu cơ thực phẩm chế biến được quy định tại Mục 2 Phần IV của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848. Cụ thể, đoạn đầu tiên sẽ không áp dụng đối với các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ được sử dụng làm phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến hoặc các sản phẩm và chất được đề cập tại điểm 2.2.2 của Phần IV của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848.

Điều 8

Chất hỗ trợ chế biến để sản xuất men và các sản phẩm men

Theo mục đích của điểm (c) Điều 24 (2) của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm và chất được liệt kê trong Phần C của Phụ lục V của Quy định này mới có thể được sử dụng làm chất hỗ trợ chế biến để sản xuất men và các sản phẩm men cho thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, miễn là việc sử dụng chúng phù hợp với các quy định có liên quan của luật Liên minh và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

Điều 9

Sản phẩm và chất sử dụng trong sản xuất rượu vang hữu cơ

Theo mục đích của điểm 2.2 của Phần VI của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, chỉ các sản phẩm và chất được liệt kê trong Phần D của Phụ lục V của Quy định này mới có thể được sử dụng để sản xuất và bảo tồn các sản phẩm nho hữu cơ như được đề cập trong Phần II của Phụ lục VII của Quy định (EU) số 1308/2013, với điều kiện là việc sử dụng chúng phù hợp với các quy định có liên quan của luật Liên minh, đặc biệt là trong các giới hạn và điều kiện được quy định trong Quy định (EU) số 1308/2013 và Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2019/934 ⁽¹⁶⁾ và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

Điều 10

Thủ tục cấp phép cụ thể cho việc sử dụng sản phẩm và chất ở một số khu vực của nước thứ ba

1. Khi một cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46 (1) của Quy định (EU) 2018/848 cho rằng một sản phẩm hoặc chất cần được cấp phép cụ thể để sử dụng trong một khu vực nhất định bên ngoài Liên minh do các điều kiện cụ thể được quy định tại Điều 45 (2) của Quy định đó, cơ quan đó có thể yêu cầu Ủy ban tiến hành đánh giá. Vì mục đích đó, Ủy ban phải thông báo cho Ủy ban về một hồ sơ mô tả sản phẩm hoặc chất liên quan, nêu lý do cho sự cho phép cụ thể đó và giải thích lý do tại sao các sản phẩm và chất được ủy quyền theo Quy định này không đủ để sử dụng do các điều kiện cụ thể trong khu vực liên quan. Nó phải đảm bảo rằng hồ sơ phù hợp để được công bố công khai theo luật pháp của Liên minh và quốc gia của các Quốc gia Thành viên về bảo vệ dữ liệu.

2. Ủy ban sẽ chuyển yêu cầu nêu tại khoản 1 tới các Quốc gia Thành viên và sẽ công bố bất kỳ yêu cầu nào như vậy.

3. Ủy ban sẽ phân tích hồ sơ nêu tại khoản 1. Ủy ban sẽ cho phép sản phẩm hoặc chất đó dựa trên các điều kiện cụ thể được đề cập trong hồ sơ chỉ khi phân tích của nó kết luận, nói chung:

(a) sự cho phép cụ thể như vậy là hợp lý trong khu vực liên quan;

(b) sản phẩm hoặc chất được mô tả trong hồ sơ tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Chương II, các tiêu chí quy định tại Điều 24 (3) và điều kiện quy định tại Điều 24 (5) của Quy định (EU) 2018/848; và

(c) việc sử dụng sản phẩm hoặc chất phù hợp với các quy định có liên quan của luật Liên minh, đặc biệt, đối với các hoạt chất có trong các sản phẩm bảo vệ thực vật, với Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽¹⁷⁾.

Sản phẩm hoặc chất được ủy quyền sẽ được bao gồm trong Phụ lục VI của Quy định này.

4. Khi thời hạn 2 năm được đề cập trong Điều 45 (2) của Quy định (EU) 2018/848 hết hạn, việc ủy quyền sẽ được tự động gia hạn thêm 2 năm nữa, với điều kiện không có yếu tố mới và không có Quốc gia Thành viên hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát nào được công nhận theo Điều 46 (1) của Quy định (EU) 2018/848 phản đối, biện minh rằng kết luận của Ủy ban nêu tại khoản 3 cần phải được đánh giá lại.

Điều 11

Xóa

Quy định (EC) số 889/2008 bị bãi bỏ.

Tuy nhiên, Phụ lục VII và IX sẽ tiếp tục áp dụng đến hết ngày 31/12/2023.

Điều 12

Điều khoản chuyển tiếp

1. Theo mục đích của Điều 5(4) của Quy chuẩn này, các sản phẩm làm sạch và khử trùng được liệt kê trong Phụ lục VII của Quy định (EC) số 889/2008 có thể tiếp tục được sử dụng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 để làm sạch và khử trùng ao, lồng, bể, mương, tòa nhà hoặc công trình được sử dụng để chăn nuôi, theo Phần D của Phụ lục IV của Quy định này.

2. Theo mục đích của điểm (b) Điều 24 (2) của Quy định (EU) 2018/848, các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ được liệt kê trong Phụ lục IX của Quy định (EC) số 889/2008 có thể tiếp tục được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thực phẩm hữu cơ chế biến đã được sản xuất trước ngày 1 tháng 1 năm 2024 với những thành phần nông nghiệp phi hữu cơ đó có thể được đưa ra thị trường sau ngày đó cho đến khi hết hàng.

3. Chứng cứ tài liệu được cấp theo quy định tại Điều 68 Quy định số 889/2008 trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 vẫn có giá trị đến hết thời hạn hiệu lực nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Điều 13

Hiệu lực và áp dụng

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau khi được công bố trên *Tạp chí Chính thức của Liên minh Châu Âu*.

Chương trình áp dụng từ ngày 1/1/2022.

Tuy nhiên, Điều 5(1), (2) và (3) và Điều 7 sẽ được áp dụng từ ngày 1/1/2024.

Quy định này sẽ ràng buộc toàn bộ và áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

Thực hiện tại Brussels, ngày 15 tháng 7 năm 2021.

Đối với Ủy ban

Tổng thống

Ursula VON DER LEYEN

⁽¹⁾ OJ L 150, 14.6.2018, tr. 1.

⁽²⁾ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ngày 28 tháng 6 năm 2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định (EEC) số 2092/91 (OJ L 189, 20.7.2007, trang 1).

⁽³⁾ Quy định của Ủy ban (EC) số 889/2008 ngày 5 tháng 9 năm 2008 đặt ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ liên quan đến sản xuất, ghi nhãn và kiểm soát hữu cơ (OJ L 250, 18.9.2008, trang 1).

⁽⁴⁾ Quy định (EC) số 648/2004 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 31 tháng 3 năm 2004 về chất tẩy rửa (OJ L 104, 8.4.2004, trang 1).

⁽⁵⁾ Quy định (EU) số 528/2012 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 22 tháng 5 năm 2012 liên quan đến việc cung cấp trên thị trường và sử dụng các sản phẩm diệt khuẩn (OJ L 167, 27.6.2012, trang 1).

⁽⁶⁾ Quy định (EU) số 1308/2013 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 17 tháng 12 năm 2013 thành lập một tổ chức chung về thị trường nông sản và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EEC) số 922/72, (EEC) số 234/79, (EC) số 1037/2001 và (EC) số 1234/2007 (OJ L 347, 20.12.2013, trang 671).

⁽⁷⁾ Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 21 tháng 10 năm 2009 liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường (OJ L 309, 24.11.2009, trang 1).

⁽⁸⁾ Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011 ngày 25 tháng 5 năm 2011 thực hiện Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến danh sách các hoạt chất được phê duyệt (OJ L 153, 11.6.2011, trang 1).

⁽⁹⁾ Quy định (EC) số 2003/2003 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 13 tháng 10 năm 2003 liên quan đến phân bón (OJ L 304, 21.11.2003, trang 1).

⁽¹⁰⁾ Quy định (EU) 2019/1009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 5 tháng 6 năm 2019 đặt ra các quy tắc về việc cung cấp trên thị trường các sản phẩm phân bón của EU và sửa đổi Quy định (EC) số 1069/2009 và (EC) số 1107/2009 và bãi bỏ Quy định (EC) số 2003/2003 (OJ L 170 25.6.2019, trang 1).

⁽¹¹⁾ Quy định (EC) số 1069/2009 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 21 tháng 10 năm 2009 đặt ra các quy tắc y tế liên quan đến phụ phẩm động vật và các sản phẩm có nguồn gốc không dành cho tiêu dùng của con người và bãi bỏ Quy định (EC) số 1774/2002 (OJ L 300, 14.11.2009, trang 1).

⁽¹²⁾ Quy định của Ủy ban (EU) số 142/2011 ngày 25 tháng 2 năm 2011 thực hiện Quy định (EC) số 1069/2009 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng đặt ra các quy tắc y tế liên quan đến phụ phẩm động vật và các sản phẩm có nguồn gốc không dành cho tiêu dùng của con người và thực hiện Chỉ thị của Hội đồng 97/78 / EC liên quan đến một số mẫu và mặt hàng được miễn kiểm tra thú y tại biên giới theo Chỉ thị đó (OJ L 54, 26.2.2011, tr. 1).

⁽¹³⁾ Quy định (EC) số 767/2009 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 13 tháng 7 năm 2009 về việc đưa ra thị trường và sử dụng thức ăn chăn nuôi, sửa đổi Quy định của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (EC) số 1831/2003 và bãi bỏ Chỉ thị của Hội đồng 79/373 / EEC, Chỉ thị của Ủy ban 80/511 / EEC, Chỉ thị của Hội đồng 82/471 / EEC, 83/228 / EEC, 93/74 / EEC, 93/113 / EC và 96/25 / EC và Quyết định của Ủy ban 2004/217 / EC (OJ L 229, 1.9.2009, tr. 1).

⁽¹⁴⁾ Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 22 tháng 9 năm 2003 về các chất phụ gia sử dụng trong dinh dưỡng động vật (OJ L 268, 18.10.2003, trang 29).

⁽¹⁵⁾ Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 16 tháng 12 năm 2008 về phụ gia thực phẩm (OJ L 354, 31.12.2008, trang 16).

⁽¹⁶⁾ Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2019/934 ngày 12 tháng 3 năm 2019 bổ sung Quy định (EU) số 1308/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến các khu vực trồng nho nơi độ cồn có thể tăng lên,

các thực hành oenological được ủy quyền và các hạn chế áp dụng cho việc sản xuất và bảo tồn các sản phẩm nho, tỷ lệ rượu tối thiểu cho các sản phẩm phụ và xử lý chúng, và xuất bản các tệp OIV (OJ L 149, 7.6.2019, trang 1).

(17) Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 23 tháng 2 năm 2005 về mức dư lượng tối đa của thuốc trừ sâu trong hoặc trên thực phẩm và thức ăn có nguồn gốc thực vật và động vật và sửa đổi Chỉ thị của Hội đồng 91/414 / EEC (OJ L 70, 16.3.2005, trang 1).

PHỤ LỤC I

Các hoạt chất có trong các sản phẩm bảo vệ thực vật được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ như được đề cập tại điểm (a) Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848

Các hoạt chất được liệt kê trong Phụ lục này có thể chứa trong các sản phẩm bảo vệ thực vật được sử dụng trong sản xuất hữu cơ như được nêu trong Phụ lục này, với điều kiện các sản phẩm bảo vệ thực vật này được cho phép theo Quy định (EC) số 1107/2009. Các sản phẩm bảo vệ thực vật này sẽ được sử dụng phù hợp với các điều kiện quy định tại Phụ lục Quy định thực hiện (EU) số 540/2011 và phù hợp với các điều kiện quy định trong giấy phép do các Quốc gia Thành viên nơi chúng được sử dụng. Các điều kiện hạn chế hơn để sử dụng trong sản xuất hữu cơ được chỉ định trong cột cuối cùng của mỗi bảng dưới đây.

Theo Điều 9 (3) của Quy định (EU) 2018/848, các chất an toàn, hiệp đồng và đồng công thức là thành phần của sản phẩm bảo vệ thực vật và tá dược được trộn với các sản phẩm bảo vệ thực vật sẽ được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, miễn là chúng được phép theo Quy định (EC) số 1107/2009. Các chất trong Phụ lục này chỉ có thể được sử dụng để kiểm soát dịch hại theo định nghĩa tại Điều 3 (24) của Quy định (EU) 2018/848.

Theo điểm 1.10.2 của Phần I của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, các chất này chỉ có thể được sử dụng khi thực vật không thể được bảo vệ đầy đủ khỏi sâu bệnh bằng các biện pháp quy định tại điểm 1.10.1 của Phần I đó, đặc biệt là bằng cách sử dụng các tác nhân kiểm soát sinh học, chẳng hạn như côn trùng, ve và tuyến trùng có lợi tuân thủ các quy định của Quy định (EU) số 1143/2014 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1).

Đối với các mục đích của Phụ lục này, các hoạt chất được chia thành các loại phụ sau:

1. Các chất cơ bản

Các chất cơ bản được liệt kê trong Phần C của Phụ lục Quy định Thực hiện (EU) số 540/2011, có nguồn gốc thực vật hoặc động vật và dựa trên thực phẩm theo định nghĩa tại Điều 2 của Quy định (EC) số 178/2002 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng (2) có thể được sử dụng để bảo vệ thực vật trong sản xuất hữu cơ. Các chất cơ bản như vậy được đánh dấu bằng dấu hoa thị trong bảng dưới đây. Chúng sẽ được sử dụng phù hợp với việc sử dụng, điều kiện và hạn chế được đặt ra trong các báo cáo đánh giá có liên quan (3) và có tính đến các hạn chế bổ sung, nếu có, trong cột cuối cùng của bảng dưới đây.

Các chất cơ bản khác được liệt kê trong Phần C của Phụ lục Quy định Thực hiện (EU) số 540/2011 chỉ có thể được sử dụng để bảo vệ thực vật trong sản xuất hữu cơ khi chúng được liệt kê trong bảng dưới đây. Các chất cơ bản như vậy phải được sử dụng phù hợp với việc sử dụng, điều kiện và hạn chế được đặt ra trong các báo cáo đánh giá có liên quan (3) và có tính đến các hạn chế bổ sung, nếu có, ở cột bên phải của bảng dưới đây.

Các chất cơ bản không được sử dụng làm thuốc diệt cỏ.

Số lượng và một phần của Phụ lục ^(*)	CAS	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
1C		<i>Equisetum arvense</i> L.*	
2C	9012-76-4	Chitosan hydrochloride*	thu được từ <i>Aspergillus</i> hoặc nuôi trồng thủy sản hữu cơ hoặc từ nghề cá bền vững, như được định nghĩa trong Điều 2 của Quy định (EU) số 1380/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽⁵⁾
3C	57-50-1	Sucrose*	
4C	1305-62-0	Canxi hydroxit	
5C	90132-02-8	Giấm*	
6C	8002-43-5	Lecithins*	
7C	-	Nước bọt spp. Vỏ não*	
8C	57-48-7	Fructose*	
9C	144-55-8	Natri hydro cacbonat	
10C	92129-90-3	Nước sữa*	
11C	7783-28-0	Diammonium phosphate	Chỉ trong bầy
12C	8001-21-6	Dầu hướng dương*	
14C	84012-40-8 90131-83-2	<i>Urtica</i> spp. (Chiết xuất <i>Urtica dioica</i>) (Chiết xuất <i>urtica urens</i>)*	
15C	7722-84-1	Hydrogen peroxide	
16C	7647-14-5	Natri clorua	
17C	8029-31-0	Bia*	
18C	-	Bột hạt mù tạt*	
20C	8002-72-0	Dầu hành tây*	
21C	52-89-1	L-cysteine (E 920)	

22C	8049-98-7	Sữa bò*	
23C	-	<i>Allium cepa</i> * L. chiết xuất củ	
		Các chất cơ bản khác có nguồn gốc thực vật hoặc động vật và dựa trên thực phẩm *	

2. Các hoạt chất có nguy cơ thấp

Các hoạt chất có nguy cơ thấp, trừ vi sinh vật, được liệt kê trong Phần D của Phụ lục Quy định Thực hiện (EU) số 540/2011 có thể được sử dụng để bảo vệ thực vật trong sản xuất hữu cơ khi chúng được liệt kê trong bảng dưới đây hoặc ở nơi khác trong Phụ lục này. Các hoạt chất có nguy cơ thấp như vậy sẽ được sử dụng phù hợp với việc sử dụng, điều kiện và hạn chế theo Quy định (EC) số 1107/2009 và có tính đến các hạn chế bổ sung, nếu có, trong cột cuối cùng của bảng dưới đây.

Số lượng và một phần của Phụ lục ⁽⁶⁾	CAS	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
2D		COS-OGA	
3D		Cerevisane và các sản phẩm khác dựa trên các mảnh tế bào của vi sinh vật	Không phải từ nguồn gốc GMO
5D	10045-86-6	Phốt phát sắt (sắt (III) orthophosphate)	
12D	9008-22-4	Laminarin	Tảo bẹ phải được lấy từ nuôi trồng thủy sản hữu cơ hoặc được thu gom một cách bền vững theo điểm 2.4 của Phần III của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848

3. Vi sinh vật

Tất cả các vi sinh vật được liệt kê trong Phần A, B và D của Phụ lục Quy định Thực hiện (EU) số 540/2011 có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ, miễn là chúng không có nguồn gốc GMO và chỉ khi được sử dụng phù hợp với việc sử dụng, điều kiện và hạn chế được đặt ra trong các báo cáo đánh giá có liên quan³. Vi sinh vật bao gồm virus là các tác nhân kiểm soát sinh học được coi là hoạt chất theo Quy định (EC) số 1107/2009.

4. Các hoạt chất không thuộc bất kỳ loại nào ở trên

Các hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009 và được liệt kê trong bảng dưới đây chỉ có thể được sử dụng làm sản phẩm bảo vệ thực vật trong sản xuất hữu cơ khi chúng được sử dụng phù hợp với mục đích sử dụng, điều kiện và hạn chế theo Quy định (EC) số 1107/2009 và có tính đến các hạn chế bổ sung, nếu có, ở cột bên phải của bảng dưới đây.

Số và một phần của Phụ lục ⁽⁷⁾	CAS	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
139Mặt	131929-60-7 131929-63-0	Spinosad	
225Mặt	124-38-9	Carbon dioxide	
227Mặt	74-85-1	Ethylene	chỉ trên chuối và khoai tây; Tuy nhiên, nó cũng có thể được sử dụng trên cam quýt như một phần của chiến lược ngăn ngừa thiệt hại ruồi giấm
230Mặt	IA 67701-09-1	Axit béo	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ
231Mặt	8008-99-9	Chiết xuất tỏi (<i>Allium sativum</i>)	
234Mặt	CAS Không, không được phân bố CIPAC số 901	Protein thủy phân không bao gồm gelatine	
244Mặt	298-14-6	Kali hydro cacbonat	
249Mặt	98999-15-6	Thuốc đuổi có mùi có nguồn gốc động vật hoặc thực vật / mỡ cừu	
255A và những người khác		Pheromone và các chất bán hóa học khác	Chỉ trong bẫy và bộ phân phối
220Mặt	1332-58-7	Nhôm silicat (cao lanh)	
236Mặt	61790-53-2	Kieselgur (đất tảo cát)	
247Mặt	14808-60-7 7637-86-9	Cát thạch anh	
343Mặt	11141-17-6 84696-25-3	Azadirachtin (chiết xuất Margosa)	chiết xuất từ hạt cây Neem (<i>Azadirachta indica</i>)
240Mặt	8000-29-1	Dầu sả	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ
241Mặt	84961-50-2	Dầu đinh hương	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ
242Mặt	8002-13-9	Dầu hạt cải dầu	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ
243Mặt	8008-79-5	Dầu bạc hà	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ
56Mặt	8028-48-6 5989-27-5	Dầu cam	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ

228Mặt	68647-73-4	Dầu cây trà	Tất cả các mục đích sử dụng đều được cho phép, ngoại trừ thuốc diệt cỏ
246Mặt	8003-34-7	Pyrethrins chiết xuất từ thực vật	
292Mặt	7704-34-9	Lưu huỳnh	
294Mặt 295A	64742-46-7 72623-86-0 97862-82-3 8042-47-5	Dầu parafin	
345Mặt	1344-81-6	Vôi lưu huỳnh (canxi polysulphide)	
44 tỷ	9050-36-6	Maltodextrin	
45B	97-53-0	Eugenol	
46B	106-24-1	Geraniol	
47B	89-83-8	Thymol	
10E	20427-59-2	Đồng hydroxit	theo Quy định thực hiện (EU) số 540/2011 chỉ sử dụng dẫn đến tổng số áp dụng tối đa 28 kg đồng mỗi ha trong thời gian 7 năm mới có thể được cho phép
10E	1332-65-6 1332-40-7	Đồng oxychloride	
10E	1317-39-1	Đồng oxit	
10E	8011-63-0	Hỗn hợp Bordeaux	
10E	12527-76-3	Đồng sunfat tribasic	
40Mặt	52918-63-5	Deltamethrin,	chỉ trong bẫy với các chất hấp dẫn cụ thể chống lại <i>Bactrocera oleae</i> và <i>Ceratitis capitata</i>
5E	91465-08-6	Lambda-cyhalothrin	chỉ trong bẫy với các chất hấp dẫn cụ thể chống lại <i>Bactrocera oleae</i> và <i>Ceratitis capitata</i>

(1) Quy định (EU) số 1143/2014 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 22 tháng 10 năm 2014 về phòng ngừa và quản lý việc du nhập và lây lan các loài ngoại lai xâm hại (OJ L 317, 4.11.2014, trang 35).

(2) Quy định (EC) số 178/2002 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 28 tháng 1 năm 2002 đặt ra các nguyên tắc và yêu cầu chung của luật thực phẩm, thành lập Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu và đặt ra các thủ tục trong các vấn đề an toàn thực phẩm (OJ L 31, 1.2.2002, trang 1).

(3) Có sẵn trong cơ sở dữ liệu thuốc trừ sâu: <https://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/eu-pesticides-database/active-substances/?event=search.as>

(4) Liệt kê theo Quy định thực hiện (EU) số 540/2011, số và loại: Các hoạt chất Phần A được coi là đã được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, B, các hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, các chất cơ bản C, các hoạt chất có nguy cơ thấp D và các ứng cử viên E để thay thế.

(5) Quy định (EU) số 1380/2013 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 11 tháng 12 năm 2013 về Chính sách thủy sản chung, sửa đổi Quy định của Hội đồng (EC) số 1954/2003 và (EC) số 1224/2009 và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 2371/2002 và (EC) số 639/2004 và Quyết định của Hội đồng 2004/585 / EC (OJ L 354, 28.12.2013, trang 22).

(4) Niêm yết theo Quy định thực hiện (EU) số 540/2011, số lượng và loại nào: Các hoạt chất Phần A được coi là đã được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, B, các hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, các chất cơ bản C, các hoạt chất có nguy cơ thấp D và các ứng cử viên E để thay thế.

(5) Niêm yết theo Quy định thực hiện (EU) số 540/2011, số và loại: Các hoạt chất Phần A được coi là đã được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, B, các hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009, các chất cơ bản C, D hoạt chất có nguy cơ thấp và các ứng cử viên E để thay thế.

PHỤ LỤC II

Phân bón, chất điều hòa đất và chất dinh dưỡng được ủy quyền nêu tại điểm (b) của Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848

Phân bón, chất điều hòa đất và chất dinh dưỡng (1) được liệt kê trong Phụ lục này có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ, miễn là chúng tuân thủ

—Liên minh và pháp luật quốc gia có liên quan về các sản phẩm bón phân, đặc biệt, nếu có, Quy định (EC) số 2003/2003 và Quy định (EU) 2019/1009; và

—Pháp luật của Liên minh về phụ phẩm động vật, đặc biệt là Quy định (EC) số 1069/2009 và Quy định (EU) số 142/2011, đặc biệt là Phụ lục V và XI.

Theo điểm 1.9.6 của Phần I của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, các chế phẩm vi sinh vật có thể được sử dụng để cải thiện tình trạng chung của đất hoặc để cải thiện sự sẵn có của chất dinh dưỡng trong đất hoặc trong cây trồng.

Chúng chỉ có thể được sử dụng theo các thông số kỹ thuật và hạn chế sử dụng của các luật pháp Liên minh và quốc gia tương ứng. Các điều kiện hạn chế hơn để sử dụng trong sản xuất hữu cơ được chỉ định ở cột bên phải của bảng.

Tên	Mô tả, điều kiện và giới hạn cụ thể
Các sản phẩm hợp chất hoặc sản phẩm chỉ chứa các vật liệu được liệt kê dưới đây	
Phân chuồng trại	sản phẩm bao gồm hỗn hợp phân động vật và chất thực vật (giường động vật và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi) Nhà máy xuất xứ nông nghiệp bị cấm
Phân chuồng khô và phân gia cầm mất nước	Nhà máy xuất xứ nông nghiệp bị cấm
Phân động vật ủ phân, bao gồm phân gia cầm và phân chuồng ủ bao gồm	Nhà máy xuất xứ nông nghiệp bị cấm
Phân động vật lỏng	Sử dụng sau khi lên men có kiểm soát và / hoặc pha loãng thích hợp Nhà máy xuất xứ nông nghiệp bị cấm
Hỗn hợp ủ hoặc lên men chất thải sinh hoạt	sản phẩm thu được từ nguồn chất thải sinh hoạt tách biệt, đã được đưa đi ủ phân hoặc lên men yếm khí để sản xuất khí sinh học chỉ chất thải gia đình thực vật và động vật chỉ khi được sản xuất trong một hệ thống thu gom khép kín và được giám sát, được Quốc gia Thành viên chấp nhận

	nồng độ tối đa tính bằng mg / kg chất khô: cadmium: 0,7; đồng: 70; niken: 25; chì: 45; kẽm: 200; thủy ngân: 0,4; crom (tổng cộng): 70; crom (VI): không phát hiện được
Peat	Sử dụng hạn chế để làm vườn (làm vườn chợ, trồng hoa, trồng cây, vườn ươm)
Chất thải nuôi cấy nấm	thành phần ban đầu của chất nền sẽ được giới hạn trong các sản phẩm của Phụ lục này
Dejecta của giun (vermicompost) và hỗn hợp chất nền côn trùng	nếu có liên quan theo Quy định (EC) số 1069/2009
Phân chim	
Hỗn hợp ủ hoặc lên men của chất thực vật	sản phẩm thu được từ hỗn hợp chất thực vật, đã được gửi đến ủ phân hoặc lên men kỵ khí để sản xuất khí sinh học
Khí sinh học tiêu hóa có chứa phụ phẩm động vật đồng tiêu hóa với nguyên liệu có nguồn gốc thực vật hoặc động vật như được liệt kê trong Phụ lục này	phụ phẩm động vật (bao gồm cả phụ phẩm của động vật hoang dã) thuộc loại 3 và hàm lượng đường tiêu hóa thuộc loại 2 (các loại theo quy định tại Quy định (EC) số 1069/2009) Nhà máy xuất xứ nông nghiệp bị cấm các quy trình phải phù hợp với Quy định (EU) số 142/2011 không được áp dụng cho các bộ phận ăn được của cây trồng
Sản phẩm hoặc phụ phẩm có nguồn gốc động vật như sau: Bột máu Bột móng guốc Bột sừng Bột xương hoặc bột xương degelatin hóa Bột cá Bột thịt Bột lông, tóc và da ('chiquette') Len Lông thú (1) Tóc Sản phẩm sữa Protein thủy phân (2)	(1)Nồng độ tối đa tính bằng mg / kg chất khô của crom (VI): không phát hiện được (2)Không được áp dụng cho các bộ phận ăn được của cây trồng
Sản phẩm, phụ phẩm có nguồn gốc thực vật làm phân bón	Ví dụ: bột bánh hạt có dầu, vỏ ca cao, mạch nha
Protein thủy phân có nguồn gốc thực vật	

Tảo và các sản phẩm từ tảo	Theo như trực tiếp có được bởi: (i) Các quá trình vật lý bao gồm mất nước, đông lạnh và nghiền (ii) chiết xuất bằng nước hoặc axit nước và / hoặc dung dịch kiềm (iii) Lên men chỉ từ hữu cơ hoặc được thu gom một cách bền vững theo điểm 2.4 của Phần III của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848
Mùn cưa và dăm gỗ	gỗ không được xử lý hóa học sau khi chặt hạ
Vỏ cây ủ	gỗ không được xử lý hóa học sau khi chặt hạ
Tro gỗ	từ gỗ không được xử lý hóa học sau khi chặt hạ
Phốt phát đá đất mềm	Sản phẩm thu được bằng cách nghiền phốt phát khoáng mềm và chứa tricalcium phosphate và canxi cacbonat làm thành phần thiết yếu Hàm lượng chất dinh dưỡng tối thiểu (tỷ lệ phần trăm theo trọng lượng): 25 % P2O5 phốt pho biểu thị dưới dạng P2O5 hòa tan trong axit khoáng, ít nhất 55% hàm lượng P2O5 được công bố hòa tan trong 2% axit formic Kích thước hạt: — Ít nhất 90% trọng lượng có thể đi qua một cái rây với lưới 0,063 mm — Ít nhất 99% trọng lượng có thể đi qua một cái rây với lưới 0,125 mm đến ngày 15/7/2022, hàm lượng cadimi nhỏ hơn hoặc bằng 90 mg/kg P2O5; từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với các chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định (EU) 2019/1009 được áp dụng
Nhôm-canxi photphat	Sản phẩm thu được ở dạng vô định hình bằng cách xử lý nhiệt và nghiền, có chứa nhôm và canxi photphat làm thành phần thiết yếu Hàm lượng chất dinh dưỡng tối thiểu (tỷ lệ phần trăm theo trọng lượng): 30 % P2O5 phốt pho biểu thị dưới dạng P2O5 hòa tan trong axit khoáng, ít nhất 75% hàm lượng P2O5 được công bố hòa tan trong amoni citrate kiềm (Joulie) Kích thước hạt:

	—ít nhất 90% trọng lượng có thể đi qua rây với lưới 0,160 mm —Ít nhất 98% trọng lượng có thể đi qua rây với lưới 0,630 mm đến ngày 15/7/2022, hàm lượng cadimi nhỏ hơn hoặc bằng 90 mg/kg P2O5; từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với các chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định (EU) 2019/1009 được áp dụng sử dụng giới hạn ở đất cơ bản (pH > 7,5)
Xỉ cơ bản (Thomas phosphates hoặc xỉ Thomas)	Sản phẩm thu được trong quá trình luyện sắt bằng cách xử lý phốt pho tan chảy và chứa canxi silicophosphate là thành phần thiết yếu của nó Hàm lượng chất dinh dưỡng tối thiểu (tỷ lệ phần trăm theo trọng lượng): 12 % P2O5 phốt pho biểu thị dưới dạng phốt pho pentoxide hòa tan trong axit khoáng, ít nhất 75% hàm lượng pentoxide phốt pho được khai báo hòa tan trong 2% axit citric hoặc 10 % P2O5 phốt pho biểu thị dưới dạng phốt pho pentoxide hòa tan trong 2% axit citric Kích thước hạt: —Ít nhất 75% có thể đi qua rây với lưới 0,160 mm —Ít nhất 96% có thể đi qua rây với lưới 0,630 mm từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với các chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định (EU) 2019/1009 được áp dụng
Muối kali thô	sản phẩm thu được từ muối kali thô Hàm lượng chất dinh dưỡng tối thiểu (tỷ lệ phần trăm theo trọng lượng): 9 % K2O kali biểu thị dưới dạng K2O tan trong nước 2 % MgO magiê ở dạng muối hòa tan trong nước, biểu thị dưới dạng oxit magiê

	từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với các chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định (EU) 2019/1009 được áp dụng
Kali sunfat, có thể chứa muối magiê	Sản phẩm thu được từ muối kali thô bằng quy trình chiết xuất vật lý, có thể chứa cả muối magiê
Stillage và stillage extract	loại trừ chung cất amoni
Canxi cacbonat, ví dụ: phấn, marl, đá vôi mặt đất, chất cải thiện Breton (maerl), phấn phốt phát	chỉ có nguồn gốc tự nhiên
Chất thải nhuyễn thể	chỉ từ nuôi trồng thủy sản hữu cơ hoặc từ nghề cá bền vững, theo Điều 2 Quy định (EU) số 1380/2013
Vỏ trứng	Nhà máy xuất xứ nông nghiệp bị cấm
Magiê và canxi cacbonat	chỉ có nguồn gốc tự nhiên ví dụ: phấn magnesita, magiê đất, đá vôi
Magiê sunfat (kieserite)	chỉ có nguồn gốc tự nhiên
Dung dịch canxi clorua	Chỉ để xử lý qua lá của cây táo, để ngăn ngừa thiếu canxi
Canxi sunfat (thạch cao)	Sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên có chứa canxi sunfat ở các mức độ hydrat hóa khác nhau Hàm lượng chất dinh dưỡng tối thiểu (tỷ lệ phần trăm trên mỗi trọng lượng): 25 % CaO 35 % SO ₃ canxi và lưu huỳnh biểu thị bằng tổng CaO + SO ₃ Độ mịn của xay: —ít nhất 80% để đi qua rây có chiều rộng lưới 2 mm, —ít nhất 99% để đi qua rây có chiều rộng mắt lưới 10 mm từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với các chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định (EU) 2019/1009 được áp dụng
Vôi công nghiệp từ sản xuất đường	phụ phẩm của sản xuất đường từ củ cải đường và mía
Vôi công nghiệp từ sản xuất muối chân không	Sản phẩm phụ của việc sản xuất muối chân không từ nước muối được tìm thấy ở núi
Lưu huỳnh nguyên tố	cho đến ngày 15 tháng 7 năm 2022: như được liệt kê theo Phần D của Phụ lục I của Quy định (EC) số 2003/2003 từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với các chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định (EU) 2019/1009 được áp dụng

Phân bón vi chất dinh dưỡng vô cơ	đến ngày 15 tháng 7 năm 2022: được liệt kê theo Phần E của Phụ lục I của Quy định (EC) số 2003/2003; từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với các chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định (EU) 2019/1009 được áp dụng
Natri clorua	
Bột đá, đất sét và khoáng sét	
Leonardite (Trầm tích hữu cơ thô giàu axit humic)	chỉ khi thu được như một sản phẩm phụ của hoạt động khai thác mỏ
Axit humic và fulvic	chỉ khi thu được bằng muối/dung dịch vô cơ không bao gồm muối amoni; hoặc thu được từ lọc nước uống
Xylit	chỉ khi thu được như một sản phẩm phụ của hoạt động khai thác (ví dụ: sản phẩm phụ của khai thác than nâu)
Chitin (Polysacarit thu được từ vỏ động vật giáp xác)	thu được từ nuôi trồng thủy sản hữu cơ hoặc từ nghề cá bền vững, theo Điều 2 của Quy định (EU) số 1380/2013
Trầm tích hữu cơ ⁽²⁾ giàu từ các vùng nước ngọt được hình thành dưới sự loại trừ oxy (ví dụ: sapropel)	Chỉ trầm tích hữu cơ là sản phẩm phụ của quản lý vùng nước ngọt hoặc được chiết xuất từ các khu vực nước ngọt trước đây Khi áp dụng, khai thác nên được thực hiện theo cách gây ra tác động tối thiểu đến hệ thống thủy sinh Chỉ trầm tích có nguồn gốc từ các nguồn không bị ô nhiễm thuốc trừ sâu, các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và các chất giống như xăng dầu đến ngày 15 tháng 7 năm 2022: nồng độ tối đa tính bằng mg/kg chất khô: cadmium: 0,7; đồng: 70; niken: 25; chì: 45; kẽm: 200; thủy ngân: 0,4; crom (tổng cộng): 70; crom (VI): không phát hiện được từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với các chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định (EU) 2019/1009 được áp dụng
Than sinh học – sản phẩm nhiệt phân được làm từ nhiều loại vật liệu hữu cơ có nguồn gốc thực vật và được ứng dụng làm chất điều hòa đất	chỉ từ nguyên liệu thực vật, khi được xử lý sau thu hoạch chỉ với các sản phẩm thuộc Phụ lục I cho đến ngày 15 tháng 7 năm 2022: giá trị tối đa 4 mg hydro-cacbon thơm đa vòng (PAHs) trên mỗi kg chất khô (DM) từ ngày 16 tháng 7 năm 2022, các giới hạn liên quan đối với các chất gây ô nhiễm được quy định trong Quy định (EU) 2019/1009 được áp dụng

⁽¹⁾ Bao gồm tất cả các loại chức năng sản phẩm được liệt kê trong Phần I của Phụ lục I của Quy định (EU) 2019/1009.

⁽²⁾ Ở đây 'hữu cơ' được sử dụng theo nghĩa hóa học hữu cơ, không phải canh tác hữu cơ

PHỤ LỤC III

Các sản phẩm và chất được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc trong sản xuất thức ăn chăn nuôi

PHẦN A

Nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ được cấp phép có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men hoặc nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất được đề cập tại điểm (c) Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848

(1) NGUYÊN LIỆU THỨC ĂN CHĂN NUÔI CÓ NGUỒN GỐC KHOÁNG SẢN

Số lượng trong danh mục nguồn cấp dữ liệu ⁽¹⁾	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
11.1.1	Canxi cacbonat	
11.1.2	Vỏ sò biển vôi	
11.1.4	Maerl	
11.1.5	Lithothamn	
11.1.13	Canxi gluconate	
11.2.1	Magiê oxit	
11.2.4	Magiê sunfat khan	
11.2.6	Magiê clorua	
11.2.7	Magiê cacbonat	
11.3.1	Dicalcium phosphate	
11.3.3	Monocalcium phosphate	
11.3.5	Canxi-magiê photphat	
11.3.8	Magiê photphat	
11.3.10	Bột ngọt photphat	
11.3.16	Canxi natri photphat	
11.3.17	Monoammonium phosphate (Amoni dihydrogen orthophosphate)	Chỉ dành cho nuôi trồng thủy sản
11.4.1	Natri clorua	
11.4.2	Natri bicarbonate	
11.4.4	Natri cacbonat	
11.4.6	Natri sunfat	
11.5.1	Kali clorua	

(2) NGUYÊN LIỆU THỨC ĂN CHĂN NUÔI KHÁC

Số Trong danh mục nguồn cấp dữ liệu ⁽²⁾	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
10	Bột, dầu và các nguyên liệu thức ăn khác của cá hoặc nguồn gốc động vật thủy sản khác	với điều kiện là chúng được lấy từ nghề cá đã được chứng nhận là bền vững theo chương trình được cơ quan có thẩm quyền công nhận phù hợp với các nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) số 1380/2013 với điều kiện là chúng được sản xuất hoặc điều chế mà không có dung môi tổng hợp hóa học Việc sử dụng chúng chỉ được phép cho vật nuôi không phải động vật ăn cỏ Việc sử dụng thủy phân protein cá chỉ được phép cho vật nuôi non không ăn cỏ
10	Bữa ăn, dầu và các nguyên liệu thức ăn khác của cá, động vật thân mềm hoặc nguồn gốc giáp xác	đối với động vật nuôi trồng thủy sản ăn thịt từ nghề cá đã được chứng nhận là bền vững theo chương trình được cơ quan có thẩm quyền công nhận phù hợp với các nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) số 1380/2013, theo điểm 3.1.3.1 (c) của Phần III của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 có nguồn gốc từ cá, động vật giáp xác hoặc động vật thân mềm đã được đánh bắt để tiêu thụ cho con người theo điểm 3.1.3.3 (c) của Phần III của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, hoặc có nguồn gốc từ toàn bộ cá, động vật giáp xác hoặc động vật thân mềm được đánh bắt và không được sử dụng cho con người theo điểm 3.1.3.3 (d) của Phần III của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848
10	Bột cá và dầu cá	trong giai đoạn nuôi lớn, đối với cá ở vùng nước nội địa, tôm penaeid và tôm nước ngọt và cá nước ngọt nhiệt đới từ nghề cá đã được chứng nhận là bền vững theo chương trình được cơ quan có thẩm quyền công nhận phù hợp với các nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) số 1380/2013, theo điểm 3.1.3.1 (c) của Phần III của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 chỉ khi thức ăn tự nhiên trong ao hồ không có đủ số lượng, tối đa 25% bột cá và 10% dầu cá trong khẩu phần thức ăn của tôm penaeid và tôm nước ngọt (<i>Macrobrachium</i> spp.) và tối đa 10% bột cá hoặc dầu cá trong khẩu phần thức ăn của cá da trơn xiêm (<i>Pangasius</i> spp.), phù hợp với điểm 3.1.3.4 (c) (i) và (ii) của Phần III của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848
Ví dụ 12.1.5	Men	nấm men thu được từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i> hoặc <i>Saccharomyces carlsbergensis</i>, bất hoạt dẫn đến không có vi sinh vật sống khi không có sẵn từ sản xuất hữu cơ

Ví dụ 12.1.12	Sản phẩm men	sản phẩm lên men thu được từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i> , <i>Saccharomyces carlsbergensis</i> , bất hoạt dẫn đến không có vi sinh vật sống và chứa các bộ phận nấm men khi không có sẵn từ sản xuất hữu cơ
	Cholesterol	Sản phẩm thu được từ mỡ len (lanolin) bằng cách xà phòng hóa, tách và kết tinh, từ động vật có vỏ hoặc các nguồn khác để đảm bảo nhu cầu khẩu phần ăn định lượng của tôm penaeid và tôm nước ngọt (<i>Macrobrachium</i> spp.) trong giai đoạn trưởng thành và trong giai đoạn đầu đời trong vườn ươm và trại giống khi không có sẵn từ sản xuất hữu cơ
	Herbs	theo điểm (e)(iv) Điều 24(3) Quy định (EU) 2018/848, cụ thể: — khi không có sẵn ở dạng hữu cơ — được sản xuất / chuẩn bị mà không có dung môi hóa học — tối đa 1 % trong khẩu phần thức ăn
	Mật	theo điểm (e)(iv) Điều 24(3) Quy định (EU) 2018/848, cụ thể: — khi không có sẵn ở dạng hữu cơ — được sản xuất / chuẩn bị mà không có dung môi hóa học — tối đa 1 % trong khẩu phần thức ăn
	Thực vật phù du và động vật phù du	Chỉ trong việc nuôi ấu trùng của cá con hữu cơ
	hợp chất protein cụ thể	Theo điểm 1.9.3.1 (c) và 1.9.4.2 (c) của Quy định (EU) 2018/848, cụ thể: — cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, — khi không có sẵn ở dạng hữu cơ, — được sản xuất / chuẩn bị mà không có dung môi hóa học, — cho heo con ăn tới 35 kg hoặc gia cầm non, — tối đa 5% chất khô của thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp trong thời gian 12 tháng
	Gia	theo điểm (e)(iv) Điều 24(3) Quy định (EU) 2018/848, cụ thể: — khi không có sẵn ở dạng hữu cơ — được sản xuất / chuẩn bị mà không có dung môi hóa học — tối đa 1 % trong khẩu phần thức ăn

PHẦN B

Phụ gia thức ăn chăn nuôi được ủy quyền và chất hỗ trợ chế biến được sử dụng trong dinh dưỡng động vật được đề cập tại điểm (d) của Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848

Phụ gia thức ăn chăn nuôi được liệt kê trong Phần này phải được cho phép theo Quy định (EC) số 1831/2003.

Các điều kiện cụ thể được nêu ở đây sẽ được áp dụng ngoài các điều kiện của các ủy quyền theo Quy định (EC) số 1831/2003.

(1) PHỤ GIA CÔNG NGHỆ

(a) *Chất bảo quản*

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
E 200 ·	Axit sorbic	
E 236 ·	Axit formic	
E 237 ·	Natri formate	
E 260 ·	Axit axetic	
E 270 ·	Axit lactic	
E 280 ·	Axit propionic	
E 330 ·	Axit citric	

(b) *Chất chống oxy hóa*

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
1B306(i)	Chiết xuất tocopherol từ dầu thực vật	
1B306(II)	Chiết xuất giàu tocopherol từ dầu thực vật (giàu đồng bằng)	

(c) *Chất nhũ hóa, chất ổn định, chất làm đặc và chất tạo keo*

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
1C322, 1C322I	Lecithins	chỉ khi có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ hạn chế sử dụng thức ăn chăn nuôi nuôi trồng thủy sản

(d) *Chất kết dính và chất chống đông vón*

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
E 412 ·	Kẹo cao su Guar	
E 535 ·	Natri ferrocyanide	hàm lượng tối đa: 20 mg/kg NaCl được tính bằng anion ferrocyanide

E 551b	Silica keo	
E 551c	Kieselgur (đất tảo cát, tinh khiết)	
1m558i	Bentonite	
E 559 ·	Đất sét Kaolinitic, không có amiăng	
E 560 ·	Hỗn hợp tự nhiên của steatit và clorit	
E 561 ·	Vermiculite	
E 562 ·	Meerschaum	
E 566 ·	Natrolite-Phonolite	
1G568	Clinoptilolite có nguồn gốc trầm tích	
E 599 ·	Đá trân châu	

(e) Phụ gia ủ chua

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
1k	Enzyme, vi sinh vật	chỉ được phép để đảm bảo lên men đầy đủ
1K236	Axit formic	
1K237	Natri formate	
1K280	Axit propionic	
1K281	Natri propionate	

(2) PHỤ GIA CẨM GIÁC

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
Ví dụ 2A	Astaxanthin	Chỉ khi có nguồn gốc từ các nguồn hữu cơ, chẳng hạn như vỏ giáp xác hữu cơ Chỉ trong khẩu phần thức ăn cho cá hồi và cá hồi trong giới hạn nhu cầu sinh lý của chúng nếu không có astaxanthin có nguồn gốc từ các nguồn hữu cơ, astaxanthin từ các nguồn tự nhiên có thể được sử dụng như <i>Phaffia rhodozyma</i> giàu Astaxanthin
Ví dụ 2B	Hợp chất hương liệu	chỉ chiết xuất từ các sản phẩm nông nghiệp, bao gồm chiết xuất hạt dẻ (<i>Castanea sativa</i> Mill.)

(3) PHỤ GIA DINH DƯỠNG

(a) Vitamin, tiền vitamin và các chất được xác định rõ về mặt hóa học có tác dụng tương tự

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
EX3A	Vitamin và Provitamin	có nguồn gốc từ nông sản Nếu không có sẵn từ nông sản: — Có nguồn gốc tổng hợp, chỉ những loại giống hệt với vitamin có nguồn gốc từ các sản phẩm nông nghiệp mới có thể được sử dụng cho động vật một dạ dày và động vật nuôi trồng thủy sản — có nguồn gốc tổng hợp, chỉ có thể sử dụng vitamin A, D và E giống hệt với vitamin có nguồn gốc từ nông sản cho động vật nhai lại; việc sử dụng phải được sự cho phép trước của các Quốc gia Thành viên dựa trên đánh giá khả năng động vật nhai lại hữu cơ có được số lượng cần thiết của các vitamin nói trên thông qua khẩu phần thức ăn của chúng
3A920	Betaine khan	Chỉ dành cho động vật một dạ dày từ sản xuất hữu cơ; nếu không có sẵn, từ nguồn gốc tự nhiên

(b) Hợp chất của các nguyên tố vi lượng

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
3B101	Sắt(II) cacbonat (siderite)	
3B103	Sắt (II) sunfat monohydrat	
3B104	Sắt (II) sunfat heptahydrat	
3B201	Kali iodua	
3B202	Canxi iodate, khan	
3B203	Canxi iodate dạng hạt trắng khan	
3B301	Coban(II) axetat tetrahydrat	
3B302	Coban(II) cacbonat	
3B303	Coban(II) cacbonat hydroxit (2:3) monohydrat	
3B304	Coban hạt trắng (II) cacbonat	
3B305	Coban(II) sunfat heptahydrat	
3B402	Đồng (II) cacbonat dihydroxy monohydrat	
3B404	Đồng (II) oxit	
3B405	Đồng (II) sunfat pentahydrat	
3B409	Dicopper clorua trihydroxide	
3B502	Mangan (II) oxit	

3B503	Mangan sulfat, monohydrat	
3B603	Oxit kẽm	
3B604	Kẽm sunfat heptahydrat	
3B605	Kẽm sunfat monohydrat	
3B609	Kẽm clorua hydroxit monohydrat	
3B701	Natri molybdate dihydrat	
3B801	Natri selenit	
3B802	Natri selenit hạt trắng	
3B803	Natri selenat	
3B810	Nấm men selenized, <i>Saccharomyces cerevisiae</i> CNCM I-3060, bất hoạt	
3B811	Nấm men selenized, <i>Saccharomyces cerevisiae</i> NCYC R397, bất hoạt	
3B812	Nấm men selenized, <i>Saccharomyces cerevisiae</i> CNCM I-3399, bất hoạt	
3B813	Nấm men selenized, <i>Saccharomyces cerevisiae</i> NCYC R646, bất hoạt	
3B817	Nấm men selenized, <i>Saccharomyces cerevisiae</i> NCYC R645 bất hoạt	

(c) Axit amin, muối và các chất tương tự của chúng

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
3c3.5.1 và 3c352	L-histidine monohydrochloride monohydrat	được sản xuất thông qua quá trình lên men có thể được sử dụng trong khẩu phần thức ăn cho cá hồi khi các nguồn thức ăn được liệt kê tại điểm 3.1.3.3 của Phần II của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848, không cung cấp đủ lượng histidine để đáp ứng nhu cầu ăn của cá

(4) PHỤ GIA ZOOTECHNICAL

Số ID hoặc nhóm chức năng	Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
4a, 4b, 4c và 4d	Enzyme và vi sinh vật	

⁽¹⁾ Theo Quy định của Ủy ban (EU) số 68/2013 ngày 16 tháng 1 năm 2013 về Danh mục nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (OJ L 29, 30.1.2013, trang 1).

⁽²⁾ Theo Quy định (EU) số 68/2013.

PHỤ LỤC IV

Các sản phẩm được ủy quyền để làm sạch và khử trùng được đề cập tại các điểm (e), (f) và (g) của Điều 24 (1) của Quy định (EU) 2018/848

PHẦN A

Sản phẩm để làm sạch và khử trùng ao, lồng, bể, mương, tòa nhà hoặc lắp đặt được sử dụng cho chăn nuôi

PHẦN B

Các sản phẩm để làm sạch và khử trùng các tòa nhà và lắp đặt được sử dụng cho sản xuất của nhà máy, bao gồm cả để lưu trữ trên một tổ chức nông nghiệp

PHẦN C

Sản phẩm vệ sinh, khử trùng trong cơ sở chế biến, bảo quản

PHẦN D

Các sản phẩm nêu tại Điều 12(1) của Quy chuẩn này

Các sản phẩm hoặc sản phẩm sau đây có chứa các hoạt chất sau đây như được liệt kê trong Phụ lục VII của Quy định (EC) số 889/2008 không thể được sử dụng làm sản phẩm diệt khuẩn:

- xút;
- kali ăn da;
- axit oxalic;
- tinh chất tự nhiên của thực vật ngoại trừ dầu hạt lanh, dầu oải hương và dầu bạc hà;
- axit nitric;
- axit phosphoric;
- natri cacbonat;
- đồng sunfat;
- kali permanganat;
- bánh hạt trà làm từ hạt lạc đã tự nhiên;
- axit humic;
- axit peroxyacetic ngoại trừ axit peracetic.

PHỤ LỤC V

Các sản phẩm và chất được ủy quyền sử dụng trong sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến và men được sử dụng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi

PHẦN A

Phụ gia thực phẩm được ủy quyền và chất hỗ trợ chế biến được đề cập tại điểm (a) của Điều 24 (2) của Quy định (EU) 2018/848

PHẦN A1 - PHỤ GIA THỰC PHẨM, BAO GỒM CẢ CHẤT MANG

Các thực phẩm hữu cơ mà phụ gia thực phẩm có thể được thêm vào nằm trong giới hạn ủy quyền được đưa ra theo Quy định (EC) số 1333/2008.

Các điều kiện và hạn chế cụ thể được đặt ra ở đây sẽ được áp dụng ngoài các điều kiện của các ủy quyền theo Quy định (EC) số 1333/2008.

Với mục đích tính toán tỷ lệ phần trăm được đề cập trong Điều 30 (5) của Quy định (EU) 2018/848, phụ gia thực phẩm được đánh dấu hoa thị trong cột của mã số sẽ được tính là thành phần có nguồn gốc nông nghiệp.

Mã	Tên	Thực phẩm hữu cơ mà nó có thể được thêm vào	Điều kiện và giới hạn cụ thể
E 153 ·	Carbon thực vật	vỏ phô mai ăn được của phô mai dê ashy Phô mai Morbier	
E 160b(i)*	Annatto bixin	Phô mai đỏ Leicester Phô mai Double Gloucester Cheddar Phô mai Mimolette	
E 160b(ii)*	Annatto norbixin	Phô mai đỏ Leicester Phô mai Double Gloucester Cheddar Phô mai Mimolette	
E 170 ·	Canxi cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Không được sử dụng để tạo màu hoặc làm giàu canxi cho sản phẩm
E 220 ·	Lưu huỳnh điôxit	rượu vang trái cây (rượu vang làm từ trái cây khác ngoài nho, bao gồm rượu táo và perry) và đồng cỏ có và không thêm đường	100 mg / l (mức tối đa có sẵn từ tất cả các nguồn, được biểu thị bằng SO ₂ tính bằng mg / l)
E 223 ·	Natri metabisulphite	động vật giết mổ	
E 224 ·	Kali metabisulphite	rượu vang trái cây (rượu vang làm từ trái cây khác ngoài nho, bao gồm rượu táo và perry) và đồng cỏ có và không thêm đường	100 mg / l (mức tối đa có sẵn từ tất cả các nguồn, được biểu thị bằng SO ₂ tính bằng mg / l)
Tập 250	Natri nitrit	sản phẩm thịt	chỉ có thể được sử dụng, nếu nó đã được chứng minh với sự hài lòng của cơ quan có thẩm quyền rằng không có giải pháp thay thế công nghệ, đưa ra các bảo đảm

			tương tự và / hoặc cho phép duy trì các tính năng cụ thể của sản phẩm, có sẵn không kết hợp với E252 lượng tối đa đi vào biểu thị bằng NaNO ₂ : 80 mg / kg, lượng dư tối đa được biểu thị bằng NaNO ₂ : 50 mg / kg
Tập 252	Kali nitrat	sản phẩm thịt	chỉ có thể được sử dụng, nếu nó đã được chứng minh với sự hài lòng của cơ quan có thẩm quyền rằng không có giải pháp thay thế công nghệ, đưa ra các bảo đảm tương tự và / hoặc cho phép duy trì các tính năng cụ thể của sản phẩm, có sẵn không kết hợp với E250 lượng đầu vào tối đa được biểu thị bằng NaNO ₃ : 80 mg / kg, lượng dư tối đa được biểu thị bằng NaNO ₃ : 50 mg / kg
E 270 ·	Axit lactic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 290 ·	Carbon dioxide	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 296 ·	Axit malic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 300 ·	Axit ascorbic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm thịt	
E 301 ·	Natri ascorbate	sản phẩm thịt	chỉ có thể được sử dụng liên quan đến nitrat và nitrit
E 306*	Giàu tocopherol trích	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Antioxidant
E 322*	Lecithins	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm sữa	Chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 325 ·	Natri lactat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật các sản phẩm từ sữa và thịt	
E 330 ·	Axit citric	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 331 ·	Natri citrat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 333 ·	Canxi citrat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 334 ·	Axit tartaric (L(+)-)	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	

		rượu mật ong	
E 335 ·	Natri tartrate	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 336 ·	Kali tartrate	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 341(i)	Monocalcium phosphate	bột tự nuôi	Đại lý nuôi
E 392*	Chiết xuất của hương thảo	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 400 ·	Axit alginic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm sữa	
E 401 ·	Natri alginate	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm sữa Xúc xích dựa trên thịt	
E 402 ·	Kali alginat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm làm từ sữa	
E 406 ·	Thạch	sản phẩm có nguồn gốc thực vật các sản phẩm làm từ sữa và các sản phẩm thịt	
E 407 ·	Carrageenan	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm làm từ sữa	
E 410*	Kẹo cao su đậu châu chấu	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 412*	Kẹo cao su Guar	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 414*	Kẹo cao su Ả Rập	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 415 ·	Kẹo cao su Xanthan	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 417 ·	Kẹo cao su Tara	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	chất làm đặc Chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 418 ·	Kẹo cao su Gellan	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Chỉ dạng acyl cao chỉ từ sản xuất hữu cơ, áp dụng kể từ ngày 1/1/2023
E 422 ·	Glycerol	chiết xuất thực vật hương liệu	Chỉ từ nguồn gốc thực vật dung môi và chất mang trong chiết xuất thực vật và hương liệu chất giữ ẩm trong viên nang gel

			lớp phủ bề mặt của máy tính bảng Chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 440(i)*	Pectin	sản phẩm có nguồn gốc thực vật sản phẩm làm từ sữa	
E 460 ·	Cellulose	gelatine	
E 464 ·	Hydroxypropyl methyl cellulose	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Vật liệu đóng gói cho viên nang
E 500 ·	Natri cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 501 ·	Kali cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 503 ·	Amoni cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 504 ·	Magiê cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
E 509 ·	Canxi clorua	Sản phẩm làm từ sữa	tác nhân đông máu
E 516 ·	Canxi sunfat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Vận chuyển
E 524 ·	Natri hydroxit	'Bánh ngọt Pretzel' hương liệu	xử lý bề mặt chất điều chỉnh độ axit
E 551 ·	Silicon dioxide	thảo mộc và gia vị ở dạng bột khô, hương liệu keo ong	
E 553b	Tan	Xúc xích dựa trên thịt	xử lý bề mặt
E 901 ·	Sáp ong	Bánh kẹo	Đại lý kính Chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 903 ·	Sáp Carnauba	Bánh kẹo trái cây họ cam quýt	Đại lý kính phương pháp giảm thiểu đối với việc xử lý cực lạnh bắt buộc đối với trái cây như một biện pháp kiểm dịch bắt buộc đối với các sinh vật gây hại theo Chỉ thị thực hiện của Ủy ban (EU) 2017/1279 (1) Chỉ từ sản xuất hữu cơ
E 938 ·	Agon	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 939 ·	Heli	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 941 ·	Nitơ	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	

E 948 ·	Ôxy	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
E 968 ·	Hồng cầu	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Chỉ từ sản xuất hữu cơ mà không sử dụng công nghệ trao đổi ion

PHẦN A2 - CHẤT HỖ TRỢ CHẾ BIẾN VÀ CÁC SẢN PHẨM KHÁC, CÓ THỂ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ CHẾ BIẾN CÁC THÀNH PHẦN CÓ NGUỒN GỐC NÔNG NGHIỆP TỪ SẢN XUẤT HỮU CƠ

Các điều kiện và hạn chế cụ thể được đặt ra ở đây sẽ được áp dụng ngoài các điều kiện của các ủy quyền theo Quy định (EC) số 1333/2008.

Tên	Chỉ được phép chế biến các thực phẩm hữu cơ sau	Điều kiện và giới hạn cụ thể
Nước	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	nước uống theo nghĩa của Chỉ thị Hội đồng 98/83 / EC ⁽²⁾
Canxi clorua	sản phẩm có nguồn gốc thực vật Xúc xích dựa trên thịt	tác nhân đông máu
Canxi cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Canxi hydroxit	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Canxi sunfat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	tác nhân đông máu
Magiê clorua (hoặc nigari)	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	tác nhân đông máu
Kali cacbonat	Nho	chất làm khô
Natri cacbonat	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
Axit lactic	Phó mát	để điều chỉnh độ pH của bồn tắm nước muối trong sản xuất phô mai
L (+) axit lactic từ quá trình lên men	chiết xuất protein thực vật	
Axit citric	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
Natri hydroxit	Đường dầu có nguồn gốc thực vật không bao gồm dầu ô liu chiết xuất protein thực vật	
Axit sunfuric	gelatine (Các) loại đường	
Chiết xuất hoa bia	đường	Chỉ dành cho mục đích kháng khuẩn từ sản xuất hữu cơ, nếu có
Chiết xuất rosin thông	đường	Chỉ dành cho mục đích kháng khuẩn từ sản xuất hữu cơ, nếu có

Axit clohydric	gelatine Pho mát Gouda, Edam và Maasdammer, phô mai Boerenkaas, Frisian và Leidse Nagel	sản xuất gelatine tuân thủ Quy định (EC) số 853/2004 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ⁽³⁾ để điều chỉnh độ pH của bồn tắm nước muối trong chế biến phô mai
Amoni hydroxit	Gelatine	sản xuất gelatine tuân thủ Quy định (EC) số 853/2004
Hydrogen peroxide	Gelatine	sản xuất gelatine tuân thủ Quy định (EC) số 853/2004
Carbon dioxide	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
Nitơ	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
Êtanol	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	dung môi
Axit tannic	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Hỗ trợ lọc
Albumin lòng trắng trứng	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Casein	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Gelatin	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Thạch	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Dầu thực vật	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Chất bôi trơn, giải phóng hoặc chống tạo bọt chỉ từ sản xuất hữu cơ
Silicon dioxide gel hoặc dung dịch keo	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Than hoạt tính (CAS-7440-44-0)	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	
Tan	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	tuân thủ các tiêu chí độ tinh khiết cụ thể cho phụ gia thực phẩm E 553b
Bentonite	sản phẩm có nguồn gốc thực vật rượu mật ong	Đại lý dính cho Mead
Cellulose	sản phẩm có nguồn gốc thực vật gelatine	
Đất tảo cát	sản phẩm có nguồn gốc thực vật gelatine	
Đá trân châu	sản phẩm có nguồn gốc thực vật gelatine	
Vỏ hạt phỉ	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Bột cơm	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	
Sáp ong	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Đại lý phát hành

		Chỉ từ sản xuất hữu cơ
Sáp Carnauba	sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Đại lý phát hành Chỉ từ sản xuất hữu cơ
Axit axetic / giấm	sản phẩm có nguồn gốc thực vật; cá	Chỉ từ sản xuất hữu cơ từ quá trình lên men tự nhiên
Thiamin hydrochloride	rượu trái cây, rượu táo, perry và mead	
Diammonium phosphate	rượu trái cây, rượu táo, perry và mead	
Sợi gỗ	sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật	Nguồn gỗ nên được hạn chế đối với gỗ được chứng nhận, khai thác bền vững Gỗ sử dụng không được chứa các thành phần độc hại (xử lý sau thu hoạch, độc tổ tự nhiên hoặc độc tố từ vi sinh vật)

PHẦN B

Các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ được phép sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ chế biến được đề cập tại điểm (b) của Điều 24 (2) của Quy định (EU) 2018/848

Tên	Điều kiện và giới hạn cụ thể
Tảo Arame (<i>Eisenia bicyclis</i>), chưa qua chế biến cũng như các sản phẩm chế biến giai đoạn đầu liên quan trực tiếp đến tảo này	
Tảo Hijiki (<i>Hizikia fusiforme</i>), chưa qua chế biến cũng như các sản phẩm chế biến giai đoạn đầu liên quan trực tiếp đến loại tảo này	
Vỏ cây Pau d'arco <i>Handroanthus impetiginosus</i> ('lapacho')	chỉ để sử dụng trong hỗn hợp Kombucha và trà
Lớp	từ nguyên liệu tự nhiên của động vật hoặc từ nguyên liệu có nguồn gốc thực vật
Gelatin	từ các nguồn khác ngoài thịt lợn
Sữa khoáng/chất lỏng	Chỉ khi được sử dụng cho chức năng cảm giác của nó để thay thế toàn bộ hoặc một phần natri clorua
Cá hoang dã và động vật thủy sản hoang dã, chưa qua chế biến cũng như các sản phẩm có nguồn gốc từ đó theo quy trình	chỉ từ nghề cá đã được chứng nhận là bền vững theo chương trình được cơ quan có thẩm quyền công nhận phù hợp với các nguyên tắc được quy định trong Quy định (EU) số 1380/2013, theo điểm 3.1.3.1 (c) của Phần III của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848 chỉ khi không có sẵn trong nuôi trồng thủy sản hữu cơ

PHẦN C

Chất hỗ trợ chế biến được ủy quyền và các sản phẩm khác để sản xuất men và các sản phẩm men được đề cập tại điểm (c) của Điều 24 (2) của Quy định (EU) 2018/848

Tên	Men nguyên phát	Sản xuất men / bánh kẹo / công thức	Điều kiện và giới hạn cụ thể
Canxi clorua	X		
Carbon dioxide	X	X	
Axit citric	X		để điều chỉnh độ pH trong sản xuất nấm men
Axit lactic	X		để điều chỉnh độ pH trong sản xuất nấm men
Nitơ	X	X	
Ôxy	X	X	
Tinh bột khoai tây	X	X	để lọc Chỉ từ sản xuất hữu cơ
Natri cacbonat	X	X	để điều chỉnh độ pH
Dầu thực vật	X	X	chất bôi trơn, giải phóng hoặc chống tạo bọt Chỉ từ sản xuất hữu cơ

PHẦN D

Các sản phẩm và chất được ủy quyền để sản xuất và bảo tồn các sản phẩm nho hữu cơ của ngành rượu vang được đề cập tại điểm 2.2 của Phần VI của Phụ lục II của Quy định (EU) 2018/848

Tên	Số ID	Các tài liệu tham khảo trong Phụ lục I của Quy định được ủy quyền (EU) 2019/934	Điều kiện và giới hạn cụ thể
Không khí		Phần A, Bảng 1, điểm 1 và 8	
Oxy khí	E 948 · CAS 17778-80-2	Phần A, Bảng 1, điểm 1 Phần A, Bảng 2, điểm 8.4	
Agon	E 938 · CAS 7440-37-1	Phần A, Bảng 1, điểm 4 Phần A, Bảng 2, điểm 8.1	có thể không được sử dụng để xử lý bột
Nitơ	E 941 · CAS 7727-37-9	Phần A, Bảng 1, điểm 4, 7 và 8	

		Phần A, Bảng 2, điểm 8.2	
Carbon dioxide	E 290 · CAS 124-38-9	Phần A, Bảng 1, điểm 4 và 8 Phần A, Bảng 2, điểm 8.3	
Miếng gỗ sồi		Phần A, Bảng 1, điểm 11	
Axit tartaric (L(+)-)	E 334 · CAS 87-69-4	Phần A, Bảng 2, điểm 1.1	
Axit lactic	E 270 ·	Phần A, Bảng 2, điểm 1.3	
Kali L (+) -tartrate	E 336(ii) CAS 921- 53-9	Phần A, Bảng 2, điểm 1.4	
Kali bicarbonate	E 501(ii) CAS 298- 14-6	Phần A, Bảng 2, điểm 1.5	
Canxi cacbonat	E 170 · CAS 471-34-1	Phần A, Bảng 2, điểm 1.6	
Canxi sunfat	E 516 ·	Phần A, Bảng 2, điểm 1.8	
Lưu huỳnh điôxit	E 220 · CAS 7446-09-5	Phần A, Bảng 2, điểm 2.1	hàm lượng sulfur dioxide tối đa không được vượt quá 100 miligam mỗi lít đối với rượu vang đỏ như được đề cập tại điểm A.1. (a) Phần B của Phụ lục I của Quy định được ủy quyền (EU) 2019/934 và có lượng đường dư thấp hơn 2 gam mỗi lít
Kali bisulphite	E 228 · CAS 7773-03-7	Phần A, Bảng 2, điểm 2.2	
Kali metabisulphite	E 224 · CAS 16731-55-8	Phần A, Bảng 2, điểm 2.3	
L axit ascorbic	E 300 ·	Phần A, Bảng 2, điểm 2.6	
Than củi để sử dụng oenological		Phần A, Bảng 2, điểm 3.1	

Diammonium hydro phosphate	E 342 / CAS 7783-28-0	Phần A, Bảng 2, điểm 4.2	
Thiamin hydrochloride	CAS 67-03-8	Phần A, Bảng 2, điểm 4.5	
Nấm men tự phân giải		Phần A, Bảng 2, điểm 4.6	
Thành tế bào nấm men		Phần A, Bảng 2, điểm 4.7	
Nấm men bất hoạt		Phần A, Bảng 2, điểm 4.8 Phần A, Bảng 2, điểm 10.5 Phần A, Bảng 2, điểm 11,5	
Gelatine ăn được	CAS 9000-70-8	Phần A, Bảng 2, điểm 5.1	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có
Protein lúa mì		Phần A, Bảng 2, điểm 5.2	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có
Protein đậu Hà Lan		Phần A, Bảng 2, điểm 5.3	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có
Protein khoai tây		Phần A, Bảng 2, điểm 5.4	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có
Thạch		Phần A, Bảng 2, điểm 5.5	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có
Casein	CAS 9005-43-0	Phần A, Bảng 2, điểm 5.6	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có
Kali caseinat	CAS 68131-54-4	Phần A, Bảng 2, điểm 5.7	
Albumin trứng	CAS 9006-59-1	Phần A, Bảng 2, điểm 5.8	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có
Bentonite	E 558 ·	Phần A, Bảng 2, điểm 5.9	
Silicon dioxide (dung dịch gel hoặc keo)	E 551 ·	Phần A, Bảng 2, điểm 5.10	
Tannins		Phần A, Bảng 2, điểm 5.12 Phần A, Bảng 2, điểm 6.4	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có
Chitosan có nguồn gốc từ <i>Aspergillus niger</i>	CAS 9012-76-4	Phần A, Bảng 2, điểm 5.13 Phần A, Bảng 2, điểm 10.3	

Chiết xuất protein men		Phần A, Bảng 2, điểm 5,15	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có
Kali alginat	E 402 / CAS 9005-36-1	Phần A, Bảng 2, điểm 5.18	
Kali hydro tartrate	E336(i)/CAS 868-14-4	Phần A, Bảng 2, điểm 6.1	
Axit citric	E 330 ·	Phần A, Bảng 2, điểm 6.3	
Axit metatartaric	E 353 ·	Phần A, Bảng 2, điểm 6.7	
Kẹo cao su arabic	E 414/CAS 9000-01-5	Phần A, Bảng 2, điểm 6.8	có nguồn gốc từ nguyên liệu hữu cơ nếu có
Mannoprotein men		Phần A, Bảng 2, điểm 6.10	
Pectin lyase	EC 4.2.2.10	Phần A, Bảng 2, điểm 7.2	chỉ cho mục đích oenological trong việc làm rõ
Pectin methylesterase	EC 3.1.1.11	Phần A, Bảng 2, điểm 7.3	chỉ cho mục đích oenological trong việc làm rõ
Polygalacturonase	EC 3.2.1.15	Phần A, Bảng 2, điểm 7.4	chỉ cho mục đích oenological trong việc làm rõ
Hemicellulase	EC 3.2.1.78	Phần A, Bảng 2, điểm 7.5	chỉ cho mục đích oenological trong việc làm rõ
Cellulase	EC 3.2.1.4	Phần A, Bảng 2, điểm 7.6	chỉ cho mục đích oenological trong việc làm rõ
Nấm men sản xuất rượu vang		Phần A, Bảng 2, điểm 9.1	Đối với các chủng nấm men riêng lẻ, hữu cơ nếu có
Vi khuẩn axit lactic		Phần A, Bảng 2, điểm 9.2	
Đồng citrate	CAS 866-82-0	Phần A, Bảng 2, điểm 10.2	
Nhựa thông Aleppo		Phần A, Bảng 2, điểm 11.1	
Lees tươi		Phần A, Bảng 2, điểm 11.2	Chỉ từ sản xuất hữu cơ

(1) Chỉ thị thực hiện của Ủy ban (EU) 2017/1279 ngày 14 tháng 7 năm 2017 sửa đổi Phụ lục I đến V của Chỉ thị Hội đồng 2000/29 / EC về các biện pháp bảo vệ chống lại việc đưa vào Cộng đồng các sinh vật gây hại cho thực vật hoặc sản phẩm thực vật và chống lại sự lây lan của chúng trong Cộng đồng ([OJ L 184, 15.7.2017, trang 33](#)).

(2) Chỉ thị của Hội đồng 98/83 / EC ngày 3 tháng 11 năm 1998 về chất lượng nước dành cho tiêu dùng của con người ([OJ L 330, 5.12.1998, trang 32](#)).

(3) Quy định (EC) số 853/2004 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 29 tháng 4 năm 2004 đặt ra các quy tắc vệ sinh cụ thể đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật ([OJ L 139, 30.4.2004, trang 55](#))

PHỤ LỤC VI

Các sản phẩm và chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ ở một số khu vực của nước thứ ba theo Điều 45 (2) của Quy định (EU) 2018/848